TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 492/2025/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 432/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hô*n", giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Bà Giảng Ngọc Huỳnh A, sinh ngày 21/7/1981. Căn cước công dân: 086181000370 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021. Địa chỉ: 3 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Ông Lê Hồng T, sinh ngày 20/10/1975. Căn cước công dân: 040075000558 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021. Địa chỉ: 3 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/07 ngày 18 tháng 7 năm 2007 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp thì bà Giảng Ngọc Huỳnh A và ông Lê Hồng T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Giảng Ngọc Huỳnh A và ông Lê Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Huỳnh A và ông T có 01 con chung là Lê Hiếu N, sinh ngày 12/01/2008. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao bà Huỳnh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Giảng Ngọc Huỳnh A và ông Lê Hồng T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Giảng Ngọc Huỳnh A và ông Lê Hồng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Giảng Ngọc Huỳnh A và ông Lê Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Huỳnh A và ông T thỏa thuận giao bà Huỳnh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hiếu N, sinh ngày 12/01/2008, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh A và ông T khai không có.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh A và ông T khai không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Bà Giảng Ngọc Huỳnh A và ông Lê Hồng T phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Giảng Ngọc Huỳnh A và ông Lê Hồng T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080786 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 74, quyển số 01/07 ngày 18/7/2007);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu